



# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: LÃNH ĐẠO TOÀN CẦU

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

(CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN NGÀNH, THÍ ĐIỂM)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 146 /QĐ-ĐHVN ngày 25 / 04/2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Nhật)*

## PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo:

**- Tên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Lãnh đạo toàn cầu

+ Tiếng Anh: Global Leadership

**- Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ

**- Ngôn ngữ:** Tiếng Anh

**- Thời gian đào tạo:** 2 năm

**- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:**

+ Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Lãnh đạo toàn cầu

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Master of Arts in Global Leadership

**- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

#### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Thạc sĩ “Lãnh đạo toàn cầu” hướng tới mục tiêu đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực về khoa học lãnh đạo và quản lý có trình độ cao, có kiến thức toàn diện, có tầm nhìn và tư duy toàn cầu, vận dụng tương đối thành thạo hệ thống phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận, tri thức và kỹ năng của khoa học lãnh đạo và quản lý hiện đại vào thực tiễn nghiên cứu khoa học, lãnh đạo, chỉ đạo, tư vấn chính sách, hoạch định và tổ chức triển khai chính sách, quản lý, điều hành và đánh giá quá trình chính sách ở các địa phương, bộ, ngành, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề

nghiệp, doanh nghiệp vv... đề xuất các giải pháp góp phần giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn phát triển bền vững.

Chương trình sẽ tạo nền tảng vững chắc để người học, sau khi tốt nghiệp, có thể tiếp tục được đào tạo ở bậc cao hơn trong các lĩnh vực, như khoa học lãnh đạo, khoa học quản lý, khoa học chính trị, hành chính công, nghiên cứu quốc tế (*international studies*), nghiên cứu toàn cầu (*global studies*), khu vực học (*area studies*), Việt Nam học (*Vietnamese studies*) và khoa học bền vững (*sustainability science*) vv...

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

Chương trình được xây dựng nhằm đáp ứng các mục tiêu cơ bản sau:

- Là chương trình đào tạo về khoa học lãnh đạo và quản lý với tầm nhìn, tư duy và cách tiếp cận toàn cầu, phù hợp với yêu cầu đặt ra đối với hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý và tư vấn phát triển trong bối cảnh thế giới toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp mới. Sản phẩm đào tạo phải đảm bảo chất lượng cao với chuẩn đầu ra minh bạch, rõ ràng, có thể được kiểm định. Đây phải là một chương trình đào tạo thạc sĩ có uy tín và chất lượng quốc tế, có khả năng thu hút học viên trong nước và quốc tế.
- Tạo điều kiện thuận lợi và hướng dẫn cho học viên tự trang bị và phát triển các kiến thức nâng cao về khoa học lãnh đạo và quản lý dựa trên nền tảng hệ thống lý thuyết hiện đại, hệ thống phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận liên ngành đang được vận dụng trong khoa học lãnh đạo và quản lý quốc tế, đặc biệt là tại các trường đại học, viện nghiên cứu hàng đầu ở Nhật Bản và Việt Nam. Ngoài ra, học viên được hướng dẫn để tự mình trang bị, phát triển và cập nhật những kiến thức tổng hợp, toàn diện về các vấn đề liên quan đến chính trị xã hội, quan hệ quốc tế, phát triển kinh tế, hoạch định và triển khai chiến lược phát triển bền vững ở cả tầm vĩ mô và vi mô ở Nhật Bản, Việt Nam và khu vực Đông Á, Đông Nam Á.
- Hướng dẫn để học viên tiếp nhận và làm chủ một số bộ công cụ hỗ trợ công việc lãnh đạo và quản lý hiện đại, làm quen và hình thành tư duy, tác phong và kỹ năng cơ bản về lãnh đạo, quản lý và tư vấn chính sách trong bối cảnh thế giới toàn cầu hóa.
- Học viên tốt nghiệp đạt được chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu đầu vào chương trình đào tạo tiến sĩ của các đại học danh tiếng trên thế giới, trước hết là các đại học ở Nhật Bản; đáp ứng tốt yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cơ quan giáo dục, cơ quan nghiên cứu, các cơ quan lãnh đạo, quản lý, hoạch định và tư vấn chính sách, các tổ chức chính trị, xã hội ở Việt Nam, các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp trong và ngoài nước,... đặc biệt là các công ty của Nhật Bản đang hoạt động ở Việt Nam.

- Qua việc phối hợp cùng xây dựng và triển khai chương trình với Trường Đại học Waseda và một số trường đại học ở Nhật Bản, chương trình hướng tới chuyển giao công nghệ đào tạo tiên tiến, hình thành và nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu và đội ngũ quản trị đại học của Trường Đại học Việt Nhật (Trường ĐHVN) cũng như hình thành một số đề tài nghiên cứu, đề án khoa học và công nghệ có chất lượng cao, có năng lực chuyển giao, ứng dụng hoặc công bố quốc tế.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### **3.1. Hình thức tuyển sinh**

Các học viên sẽ được tuyển chọn bằng hình thức xét tuyển, bao gồm các khâu đoạn chính sau:

+ Thẩm định hồ sơ: theo quy trình của ĐHQGHN và của Trường ĐHVN.

+ Phỏng vấn: Hội đồng tuyển sinh được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng Trường ĐHVN bao gồm các chuyên gia của Việt Nam và Nhật Bản sẽ phỏng vấn để đánh giá toàn diện năng lực của các ứng viên (trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, khát vọng học tập, định hướng nghề nghiệp, kinh nghiệm công tác và mức độ sẵn sàng tham gia chương trình đào tạo, ...)

Sau vòng phỏng vấn, Hội đồng tuyển sinh họp, thống nhất đánh giá về năng lực của từng ứng viên, xác định danh sách ứng viên trúng tuyển và trình Hiệu trưởng Trường ĐHVN xem xét ra quyết định.

#### **3.2. Đối tượng tuyển sinh**

##### ***Yêu cầu về văn bằng:***

+ Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính qui và các chứng chỉ khác (nếu có).

+ Xếp loại tốt nghiệp: yêu cầu ứng viên tốt nghiệp đại học từ loại “khá” trở lên (đạt điểm trung bình chung tích lũy (GPA) tối thiểu 2.5/4.0). Khuyến khích học viên có kinh nghiệm nghề nghiệp tham gia.

##### ***Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ:***

+ Tiếng Anh: Yêu cầu trình độ tiếng Anh cho chương trình đào tạo Thạc sĩ là bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương IELTS 5.0 - 5.5 hoặc trình độ B2, khung tham chiếu châu Âu).

\* *Tại thời điểm tuyển sinh có thể nhận hồ sơ đối với các đối tượng đạt chuẩn 3/6 (tương đương với trình độ B1, khung tham chiếu châu Âu) với yêu cầu đạt được chuẩn*

4/6 trước khi chính thức trở thành học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ Lãnh đạo toàn cầu, Trường ĐHVN.

### **3.3. Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp với ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo**

- *Nhóm ngành phù hợp*: Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Khoa học quản lý, Luật, Luật kinh tế, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế.

- *Nhóm ngành gần*: Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tôn giáo học, Lịch sử, Công tác xã hội, Du lịch, Công nghệ thông tin, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Quản lý dự án, Quản trị kinh doanh, Kinh tế chính trị, Lưu trữ học, Quản lý thông tin, Văn hoá học, Quản lý văn hoá, Ngôn ngữ học, Văn học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Quản lý giáo dục, Quản lý công nghiệp, Kinh tế công nghiệp, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng.

- *Trường hợp đặc biệt* (ví dụ: thí sinh tốt nghiệp ở nước ngoài với tên gọi ngành học và văn bằng khác biệt so với các quy định hiện hành ở Việt Nam) do Hội đồng tuyển sinh xem xét cụ thể và trình Hiệu trưởng Trường ĐHVN xem xét, quyết định.

\* *Ưu tiên xem xét các ứng viên đã có kinh nghiệm thực tiễn làm việc tại các cơ quan lãnh đạo, điều hành, quản lý các tổ chức chính trị, xã hội, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ hoặc các cơ quan tư vấn, nghiên cứu chính sách, các bộ, ngành, địa phương. Hội đồng tuyển sinh của Trường ĐHVN sẽ quyết định mức độ ưu tiên (được quy thành điểm) của từng ứng viên trong quá trình tuyển sinh.*

### **3.4. Hồ sơ dự tuyển**

Theo quy định của Trường ĐHVN, bao gồm:

- Đăng ký dự tuyển (theo mẫu của Trường ĐHVN, bao gồm cả lý lịch).
- Văn bằng tốt nghiệp đại học tại Việt Nam hoặc nước ngoài.
- Bảng điểm học tập.
- Chứng chỉ ngoại ngữ.
- Các minh chứng cho thành tích (nghiên cứu khoa học, hoạt động thực tiễn) và chứng nhận nghề nghiệp (nếu có).

### **3.5. Thông báo tuyển sinh**

Thông báo tuyển sinh qua trang web và hệ thống thông tin của ĐHQGHN và của Trường ĐHVN. Thông tin về tuyển sinh phát hành hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trang web của Đại sứ quán Nhật Bản ở Việt Nam và Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản và các phương tiện thông tin đại chúng khác...

### **3.6. Quy mô tuyển sinh**

Chương trình xét tuyển không quá 20 học viên cho mỗi khóa.

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn**

#### **1.1. Kiến thức và năng lực chuyên môn**

- Vận dụng được những tri thức và nguyên tắc cơ bản của quản trị và quản lý, nhất là quản trị hệ thống và quản lý biến đổi, quản lý phát triển theo cách tiếp cận toàn cầu hóa.
- Đánh giá được những vấn đề đang đặt ra đối với công tác lãnh đạo, quản lý địa phương, ngành, lĩnh vực và đất nước với tầm nhìn, cách tiếp cận và tư duy toàn cầu;
- Phân tích được những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức đối với công tác lãnh đạo, quản lý địa phương, ngành, lĩnh vực và đất nước với tầm nhìn, cách tiếp cận và tư duy toàn cầu;
- Vận dụng được những kiến thức và nguyên tắc cơ bản của lãnh đạo học, khoa học quản lý trong thế giới toàn cầu hóa.
- Vận dụng được nền tảng kiến thức và cách tiếp cận cơ bản của các lý thuyết quan hệ quốc tế, địa – chiến lược, khu vực hóa toàn cầu (glocalization) vào thực tiễn nghiên cứu, lãnh đạo và chỉ đạo thực tiễn.
- Phân tích được những tình huống, đề xuất được những giải pháp sáng tạo nhằm hoạch định chiến lược, tư vấn chính sách, ra quyết định đáp ứng yêu cầu của công tác lãnh đạo, quản lý ở địa phương, lĩnh vực, ngành.
- Hệ thống hóa được và vận dụng được nền tảng/kiến thức về kinh tế trong nước và quốc tế, từ đó có thể phân tích được bối cảnh thay đổi và sự tác động tới việc đưa ra quyết định đối với một số vấn đề kinh tế với tầm nhìn và cách tiếp cận toàn cầu.
- Hiểu được nền tảng kiến thức về xã hội và văn hóa; hiểu được bối cảnh thay đổi và sự tác động tới việc đưa ra quyết định về lãnh đạo toàn cầu.

- Vận dụng được nền tảng kiến thức về xã hội và văn hóa, trên cơ sở đó có thể phân tích được bối cảnh thay đổi và sự tác động tới việc đưa ra quyết định về lãnh đạo toàn cầu.

- Phân tích được và đề xuất được các giải pháp sáng tạo cho các vấn đề và thách thức trong quá trình phát triển và hội nhập của Việt Nam nói riêng và các nước đang phát triển trong khu vực Đông Nam Á nói chung.

- Phân tích, đánh giá được một cách khoa học, thực chứng các nguy cơ, yếu tố tác động đối với sự phát triển bền vững của ngành, địa phương theo cách tiếp cận toàn cầu.

- Phát hiện được những bất cập tồn tại trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam và khu vực, phân tích được nguyên nhân và đề xuất được những giải pháp quản trị khủng hoảng, giải quyết sáng tạo vấn đề.

## **1.2. Trình độ ngoại ngữ**

- Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh là bậc 4 theo khung năng lực về ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) – tương đương B2 theo khung tham chiếu chung châu Âu (tương đương 5,5 IELTS), và tiếng Anh học thuật (viết và trình bày luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh).

## **2. Chuẩn về kỹ năng**

### **2.1. Kỹ năng nghề nghiệp**

- Vận dụng được kỹ năng lập luận, tư duy theo hệ thống, nghiên cứu, phát hiện và giải quyết được các vấn đề (gồm phát hiện, hình thành, tổng quát hóa, đánh giá, phân tích, trình bày và giải quyết vấn đề và đưa ra giải pháp kiến nghị) cũng như khả năng đưa ra các quyết định về lãnh đạo ở tầm khu vực và quốc tế;

- Vận dụng được kỹ năng định hướng, hoạch định tầm nhìn, phát triển tư duy chiến lược (strategic thinking), tư duy phê phán (critical thinking), lập kế hoạch, dẫn dắt và tổ chức thực thi các chiến lược, chính sách và dự án phát triển;

- Vận dụng được một số bộ công cụ, phương tiện thu thập và xử lý thông tin hiện đại để cung cấp cơ sở, luận cứ cho việc phân tích, đánh giá chính sách, phản hồi, phản biện chính sách ở quy mô quốc gia hoặc bộ, ngành, địa phương.

- Vận dụng được các công cụ phân tích định tính, định lượng trong quá trình điều hành, chỉ đạo thực tiễn, ra quyết định về lãnh đạo chính trị.

- Vận dụng được những kỹ năng thuyết trình, thương thảo, thuyết phục, đàm phán vv... trong các tình huống thực tiễn giả định.

- Vận dụng được một cách sáng tạo các nguyên tắc, kỹ năng khảo sát thực tiễn liên ngành ở các địa phương, doanh nghiệp và một số môi trường đặc thù.

## **2.2. Kỹ năng hỗ trợ**

- Vận dụng được kỹ năng quản lý và lãnh đạo, đặc biệt là các kỹ năng nắm bắt thông tin, điều hành hệ thống và kiểm soát kết quả đầu ra bằng các bộ công cụ hiện đại.

- Vận dụng được kỹ năng tổng hợp và phân tích cũng như suy luận vấn đề một cách hệ thống và logic.

- Vận dụng được kỹ năng phát hiện và giải quyết xung đột.

- Vận dụng được kỹ năng thuyết trình, giao tiếp và tương tác với đồng nghiệp cũng như với những người có hoặc không có am hiểu về lĩnh vực;

- Vận dụng được kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, bằng công nghệ thông tin, qua báo chí và các phương tiện truyền thông;

- Vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp làm việc nhóm và đối thoại liên văn hóa.

- Vận dụng được các nguyên tắc của việc độc lập, tự nghiên cứu, khám phá và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học lãnh đạo;

- Vận dụng được kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc cá nhân;

- Vận dụng được các phần mềm văn phòng; một số phần mềm thống kê và phân tích định lượng (Excel, SPSS...).

## **3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức**

### **3.1. Trách nhiệm công dân**

- Yêu nước, tự tôn dân tộc, có trách nhiệm với cộng đồng (civic engagement);

- Cởi mở, dân chủ, tôn trọng lợi ích, đặc trưng văn hóa của các đối tác quốc tế và sẵn sàng hợp tác với các đối tác quốc tế;

- Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức, tôn trọng sự khác biệt, chống lại các kỳ thị xã hội, tôn giáo, giới, dân tộc, văn hóa, chủng tộc vv...;

- Làm việc theo hiến pháp và pháp luật của nhà nước.

### **3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ**

- Tự tin, linh hoạt, nhiệt tình, có chí tiến thủ, sẵn sàng đương đầu với khó khăn;



- Trung thực, cẩn thận, trách nhiệm, đáng tin cậy; chủ động, tự giác, có trách nhiệm trong công việc, có ý thức tổ chức, kỷ luật, tác phong làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, lịch sự;

### **3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề**

- Say mê nghiên cứu khoa học, khám phá kiến thức, thích ứng với môi trường đa văn hóa;

- Có lối sống tích cực.

## **4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống của Nhà nước từ trung ương đến địa phương.

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý tại các tổ chức quốc tế, hiệp hội quốc tế, thể chế quốc tế và tổ chức phi chính phủ.

- Cán bộ, chuyên gia tư vấn, phân tích, hoạch định và phản biện chính sách làm việc tại các cơ quan hoạch định, tư vấn chính sách của các bộ, ngành, địa phương ở Việt Nam hoặc tại các tổ chức quốc tế.

- Nhà nghiên cứu, giảng viên tại các cơ quan nghiên cứu và trường đại học có chuyên ngành về lãnh đạo, chính trị và an ninh, quản lý, quản trị, chính sách công và phát triển, quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, xã hội và văn hóa.

## **5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng hoàn thành công việc một cách độc lập, có khả năng làm việc nhóm, có tầm nhìn bao quát, có khả năng tổng quát, tích hợp, vận dụng các kiến thức được học trong việc tham mưu hoặc ra quyết định trong phạm vi lĩnh vực được phân công.

- Có khả năng tự tìm hiểu hoặc khả năng nghiên cứu, giảng dạy về các học phần, chủ đề liên quan đến lãnh đạo, quản lý, chính trị và an ninh, quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, xã hội và văn hóa.

## **6. Các chương trình, tài liệu mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo**

### **6.1. Tài liệu trong nước**

1. Bộ GD&ĐT: Thông tư số 04/2012/TT-BGD&ĐT ngày ngày 15/2/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

2. Bộ GD&ĐT: Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức

- tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
3. ĐHQGHN: Công văn số 1885/ĐHQGHN-KHTC ngày 24/6/2010 về việc dự thảo phương án thí điểm về kinh phí đào tạo sau đại học ở ĐHQGHN;
  4. ĐHQGHN: Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/4/2012 của Giám đốc ĐHQGHN quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở ĐHQGHN ban hành kèm theo;
  5. ĐHQGHN: Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành Quy chế Đào tạo thạc sĩ tại ĐHQGHN;
  6. Chương trình Thạc sĩ Quản lý Công - Học viện Hành chính Quốc gia
  7. Chương trình Thạc sĩ điều hành cao cấp Quản lý công – Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
  8. Chương trình Thạc sĩ Quản lý kinh tế và Chính sách – Trường Đại học Kinh tế quốc dân
  9. Chương trình Thạc sĩ Quản lý kinh tế - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
  10. Chương trình Thạc sĩ Kinh tế và quản lý công - Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG – HCM
  11. Chương trình Thạc sĩ Khu vực học – Trường ĐHVN, ĐHQGHN;
  12. Chương trình Thạc sĩ Chính sách công – Trường ĐHVN, ĐHQGHN;
  13. Chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Trường ĐHVN, ĐHQGHN.

## **6.2. Tài liệu nước ngoài**

1. Master of Arts in Global Leadership của Royal Roads University (Canada)
2. MA Global Leadership – Fuller Theological Seminary (USA)
3. MA in Global Leadership in Intercultural Context, Redcliffe College (Czech Republic)
4. MSc in Political Science and Political Economy – London School of Economics and Political Economy
5. MSc International Political Economy; MSc International Political Economy (Research) – London School of Economics and Political Economy
6. The MSc in Asian Politics programme from SOAS University of London
7. The MSc Politics of China from SOAS University of London
8. Master in Economics and Political Science (EPS) - University of Milan - Department of Economics, Management and Quantitative Methods
9. Master in Public Policy (MPP) - Lee Kuan Yew School of Public Policy

### **PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

<b>Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:</b>	<b>64 tín chỉ</b>
- <b>Khối kiến thức chung (bắt buộc):</b>	<b>10 tín chỉ</b>
- <b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>	<b>34 tín chỉ</b>
+ Bắt buộc:	12 tín chỉ
+ Tự chọn:	22/65 tín chỉ
- <b>Bài giảng của khách mời, chuỗi bài giảng chuyên đề</b>	<b>Không tín chỉ</b>
- <b>Thực tập/thực tế</b>	<b>6 tín chỉ</b>
- <b>Luận văn Thạc sĩ</b>	<b>14 tín chỉ</b>

## 2. Khung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Tự học	
<b>I</b>		<b>Khởi kiến thức chung</b>					<b>10</b>
1.	PHI5001	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
2.	VJU5001	Tiếng Nhật (Japanese language)	6	30	30	30	
<b>II</b>		<b>Khởi kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>					<b>34</b>
<b>II.1.</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>					<b>12</b>
3.	VJU6001	Cơ sở khoa học bền vững (Basic Sustainability Science)	3	45	0	0	
4.	VJU6002	Phương pháp luận và Hệ thống thông tin cho Khoa học bền vững (Methodology and Informatics for Sustainable Science)	3	30	15	0	
5.	VJU6081	Nhập môn lãnh đạo chính trị (Introduction to Political Leadership)	3	25	5	15	
6.	VJU6082	Nhập môn lãnh đạo toàn cầu (Introduction to Global Leadership)	3	25	5	15	
<b>II.2.</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>					<b>22/65</b>
7.	VJU6083	Phương pháp nghiên cứu xã hội (Social Research Methods)	3	20	5	15	
8.	ENG6001	Tiếng Anh học thuật (Academic English)	4	30	30	0	
		<b>Chính trị và An ninh (Politics and Security)</b>					
9.	VJU6084	Cơ sở quan hệ quốc tế (Foundation of International Relations)	3	25	5	15	
10.	VJU6085	Truyền thông và Chính trị (Media and Politics)	3	25	5	15	
11.	VJU6086	Lý thuyết chính trị quốc tế (Theories of International Politics)	3	25	5	15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Tự học	
12.	VJU6087	An ninh quốc tế (International Security)	3	25	5	15	
13.	VJU6088	Lý thuyết tổ chức quốc tế (Theories of International Organizations)	3	25	5	15	
14.	VJU6089	Chính trị, xã hội và văn hóa ở Đông Nam Á (Polity, Society and Culture in Southeast Asia)	3	25	5	15	
15.	VJU6090	Quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương (International Relations in the Asia-Pacific Region )	3	25	5	15	
<b>Kinh tế (Economy)</b>							
16.	VJU6091	Kinh tế quốc tế (International Economics)	3	25	5	15	
17.	VJU6092	Kinh tế môi trường và chính sách môi trường (Environmental Economics and Environmental Policy)	3	25	5	15	
18.	VJU6093	Đổi mới và chuyển giao công nghệ trong các nền kinh tế ASEAN (Technology Transfer and Innovation in ASEAN Economies)	3	25	5	15	
19.	VJU6094	Kinh tế phát triển (Development Economics)	3	25	5	15	
20.	VJU6095	Nghiên cứu kinh tế châu Á Thái Bình Dương (Asia-Pacific Economic Studies)	3	25	5	15	
21.	VJU6096	Chiến lược quốc gia và quản trị sự thay đổi (National Strategy Change Management)	3	25	5	15	
<b>Xã hội/Văn hóa (Society/Culture)</b>							
22.	VJU6097	Nhân học xã hội (Social Anthropology)	3	25	5	15	
23.	VJU6098	Xã hội học toàn cầu (Global Sociology)	3	25	5	15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Tự học	
24.	VJU6099	Văn hoá chính trị Đông Á (East Asian Political Culture)	3	25	5	15	
25.	VJU6100	An ninh con người và quyền con người (International Human Rights and Human Security)	3	25	5	15	
26.	VJU6101	Phát triển con người và mục tiêu phát triển bền vững (Human Development and the Sustainable Development Goals (SDGs))	3	25	5	15	
27.	VJU6102	Phân tích chính sách về giáo dục so sánh và quốc tế (Policy Analysis of Comparative and International Education)	3	25	5	15	
28.	VJU6103	Quan hệ giới trong bối cảnh quốc tế (World of Gender)	3	25	5	15	
29.	VJU6104	Chuỗi bài giảng của khách mời (Guest Speaker Series)	None Credit				
30.	VJU6105	Chuỗi bài giảng chuyên đề (Special Lecture on Global Leadership I, II, III)	None Credit				
31.	VJU6106	Thực tập tại GSAPS (Semester Study at GSAPS/Internship)			6		
32.	VJU7001	Luận văn thạc sĩ (Master thesis)			14		
		<b>Tổng</b>			<b>64</b>		

